

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05-12-2022

V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Minh S; nơi cư trú: Số 12 đường H, phường M, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H; nơi cư trú: Số 3G đường L, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự về không công nhận quan hệ vợ chồng, bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Minh S trình bày:

Năm 1989, anh và chị Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau như vợ chồng, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới nhưng không đi đăng ký kết hôn, cho đến nay anh chị vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã có 02 con chung, sau này phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng nhiều trong quan điểm sống. Nhiều năm nay anh chị đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm giữa hai người không còn, anh

làm đơn đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa anh với chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có 02 con là Vũ Nguyễn S Tùng, sinh ngày 03/12/1990 và Vũ Thị H M, sinh ngày 28/02/2000 (các con anh đã trưởng thành), khi chấm dứt quan hệ vợ chồng anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Vũ Minh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đi đăng ký kết hôn, cho đến nay anh chị vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con, sau đó giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng nhiều trong quan điểm sống, nhiều năm nay anh chị đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm giữa hai người không còn, nay anh S làm đơn đề nghị Toà án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị với anh S, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Minh S có 02 con chung là Vũ Nguyễn S Tùng, sinh ngày 03/12/1990 và Vũ Thị H Mai, sinh ngày 28/02/2000 (các con chị đã trưởng thành), khi chấm dứt quan hệ vợ chồng chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vũ Minh S tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nhận nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/11/2022 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H: Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh, chị là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là Vũ Nguyễn S T, sinh ngày 03/12/1990 và Vũ Thị H M, sinh ngày 28/02/2000 (các con của anh, chị đã trưởng thành), khi chấm dứt quan hệ vợ chồng anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nhận nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai; bị đơn tại bản tự khai có quan điểm đề nghị Tòa án không công nhận anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H cư trú tại số 3G đường L, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[2] Ngày 07 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý vụ án; đến ngày 21 tháng 11 năm 2022, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vũ Minh S và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Vũ Minh S và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án:

- Về không quan hệ vợ chồng:

[4] Anh Vũ Minh S, sinh ngày 25/6/1965 và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/02/1969 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn mặc dù cả hai anh, chị đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống từ đó cho đến nay nhưng anh, chị vẫn không đi đăng ký kết hôn. Như vậy anh, chị đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung do lấy nhau không có đăng ký kết hôn nên anh, chị không thực sự hiểu nhau, lấy nhau do cảm tính, cuộc sống của anh, chị không có đồng cảm, không hạnh phúc, giữa hai người

phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp; anh, chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay không ai còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay xác định tình cảm giữa hai người không còn, anh Vũ Minh S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Thu H đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy việc anh Vũ Minh S có đơn đề nghị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích sống chung không đạt được, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Việc chị Nguyễn Thị Thu H tại bản tự khai đồng ý với đề nghị của anh Vũ Minh S là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận đơn đề nghị của anh Vũ Minh S: Tuyên bố không công nhận anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng.

- Về con chung:

[6] Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là Vũ Nguyễn S Tùng, sinh ngày 03/12/1990 và Vũ Thị H Mai, sinh ngày 28/02/2000 (các con của anh chị đã trưởng thành), khi chấm dứt quan hệ vợ chồng anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[7] Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[8] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H nhận nộp thay cho anh Vũ Minh S án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[9] Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; các điều 14; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Không công nhận Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là Vũ Nguyễn S Tùng, sinh ngày 03/12/1990 và Vũ Thị H Mai, sinh ngày 28/02/2000 (các con của anh chị đã trưởng thành), khi chấm dứt quan hệ vợ chồng anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009594 ngày 04/11/2022 tại Chi cục Thi hành án quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Vũ Minh S và chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THA DS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười

Nơi nhận:

- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THA DS quận Hồng Bàng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười

Nơi nhận:

- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THA DS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười